

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/HNGĐ- ST

Ngày 14 - 9 - 2017

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Lưu Thị Kim Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Hồng V, sinh năm 1989, có mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 10, Phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Thôn B, xã T1, huyện D, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1990, vắng mặt.

Trú tại: Tổ 10, Phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 5 năm 2017, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trương Thị Hồng V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Y đăng ký kết hôn ngày 28/3/2013 tại UBND phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu, chung sống cùng anh gia đình anh Y tại tổ 10, phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2015 do anh Y sa đà vào chơi cờ lô đề, cờ bạc, không quan tâm gì đến chị

và con nên giữa chị và anh Y xảy ra mâu thuẫn. Tháng 02 năm 2015 sau khi xảy ra mâu thuẫn chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã T1, huyện D, tỉnh Hà Nam sinh sống cho đến nay, còn anh Y vẫn sinh sống cùng gia đình anh ở tổ 10, Phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong thời gian sống ly thân chị và anh Y không quan tâm đến nhau và không có hướng để đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Y.

Về con chung: Chị xác định có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/10/2013, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị tại nhà bố mẹ chị ở Hà Nam. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Trong đơn ly hôn, bản tự khai và hòa giải chị đề nghị anh Y cấp dưỡng nuôi con chung cho chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng. Nhưng trước khi Tòa án có quyết định đưa vụ ra xét xử và tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện chị đang công tác tại Công ty cổ phần T, thu nhập khoảng 19.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Y vắng mặt, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Y trình bày: Anh xác nhận quá trình kết hôn, chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị V trình bày là đúng. Anh Y xác nhận đầu năm 2015 do anh không chịu làm ăn, mãi mê chơi bời, phá phách, không chăm lo cho gia đình và vợ con nên giữa anh và chị V có xảy ra mâu thuẫn. Chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã T1, huyện D, tỉnh Hà Nam sinh sống từ đầu năm 2015 cho đến nay. Do trong thời gian sống ly thân vợ chồng xa cách không quan tâm đến nhau nên tình cảm bị chi phối và rạn nứt. Nay chị V có đơn xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị V trình bày. Hiện cháu H đang sinh sống cùng chị V tại Hà Nam, ly hôn quan điểm của anh đề nghị cho anh nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm ở Công ty X, lương khoảng 9.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Trương Thị Hồng V được ly hôn anh Nguyễn Văn Y.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2013 cho chị Trương Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V; anh Y có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 05 tháng 5 năm 2017 chị Trương Thị Hồng V, sinh năm 1989, trú tại: Thôn B, xã T1, huyện D, tỉnh Hà Nam có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 10, Phường T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đã thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] . Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Hồng V với anh Nguyễn Văn Y Hội đồng xét xử thấy: Chị V và anh Y kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường T, thị xã P đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này chị V và anh Y đều xác nhận đầu năm 2015 anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Y không chịu làm ăn, mãi mê chơi bời, không chăm lo cho gia đình và vợ con dẫn đến việc chị V đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị ở Hà Nam sinh sống từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm của anh chị đã bị chi rạn nứt, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai quan tâm đến ai. Mặc dù chị V xin ly hôn anh Y không nhất trí,

anh đề Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nhưng Tòa án báo đến hòa giải anh chỉ đến một lần sau đó nhiều lần vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của bà Chu Thị H (mẹ chị V) và lời khai của bà Trần Thị H1 (mẹ của anh Y) cho thấy, trong quá trình chung sống chị V và anh Y có nhiều mâu thuẫn. Chị V đã không sinh sống cùng anh Y từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay, nay chị V xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh Y đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, chị V vẫn đề nghị giải quyết cho ly hôn anh Y, anh Y Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy đề nghị xin ly hôn của chị V với anh Y là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị V và anh Y đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10/10/2013. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị V, hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh chị là tự nguyện và chính đáng, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Từ lúc anh Y và chị V sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay, cháu H vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị V tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Chị V đang ở cùng bố mẹ chị có chỗ ở ổn định và chị đang công tác tại Công ty cổ phần T, thu nhập khoảng 19.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con. Nên ly hôn cần tiếp tục giao cháu H cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Hồng V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Trương Thị Hồng V được ly hôn anh Nguyễn Văn Y.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2013 cho chị Trương Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V; anh Y có quyền đi lại thăm nom con chung

không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Hồng V phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0003280 ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên; chị V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy

